

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám

2. Ông Lưu Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Lê Thị Thúy B, sinh năm 1984.*

- Bị đơn: *Anh Trần Duy N, sinh năm 1984.*

Trú tại: Tổ 4, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Ủy quyền cho ông Trịnh Minh K – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T. Theo Quyết định số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019.

Ông Trịnh Minh Khiêm ủy quyền cho ông Nguyễn Trần Minh Đ – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T. Theo Giấy ủy quyền số: 02/GUQ-PGD ngày 07/01/2021.

(Nguyên đơn chị B có mặt, bị đơn anh N vắng mặt; Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CSXH huyện T ông Đ có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy B trình bày: Chị B và anh Trần Duy N tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đi đến kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống

hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp hay xảy ra cãi vã nhau, mỗi lần mâu thuẫn là anh N đánh đập chị B, từ cuối năm 2017 anh N đi làm ăn xa thỉnh thoảng vài tháng anh N về nhà được vài ba hôm sau đó đi lại. Khi Tòa án gửi các văn bản chị B đều chụp lại và gửi vào Zalo hoặc Messenger cho anh N. Anh N nhận và nhắn tin lại cho chị bảo muốn làm gì thì làm chứ anh không đến tòa. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau đã lâu. Nay chị B thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên chị B xin được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị B khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Trần Thị Thu N, sinh ngày 20/4/2008.

2. Trần Huyền T, sinh ngày 30/12/2013.

Nguyện vọng của chị B nêu ly hôn chị xin được nuôi 02 con chung đến 18 tuổi, trưởng thành, chị B yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị B khai vợ chồng nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T số tiền 62.000.000 đồng và lãi.

* Bị đơn anh Trần Duy N không đến Tòa, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh N.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trần Minh Đ trình bày vào ngày 09/10/2016 vợ chồng chị B và anh N có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T số tiền 12.000.000đ, lãi suất vay 0,75% /tháng, tại khế ước vay số 6600000708645613 đến hạn ngày 09/10/2021; Đến nay 09/03/2019 chị B và anh N tiếp tục vay của Ngân hàng CSXH huyện T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất vay 0,6875% /tháng, tại khế ước vay số 6600000714546359 đến hạn ngày 09/3/2022. Nay chị B và anh N ly hôn, ông Đ yêu cầu chị B và anh N trả hết nợ gốc cho Ngân hàng CSXH huyện T và lãi suất tính đến ngày 26/02/2021 là 245.791đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 27/02/2021 cho đến khi thanh toán xong. Lãi phát sinh được tính theo mức lãi suất của các hợp đồng vay.

* Tại phiên hòa giải ngày 19/3/2021 và tại phiên tòa chị B đồng ý nhận trả nợ cho Ngân hàng CSXH huyện T.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt không đến tham dự phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao các cháu N và T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị B, buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc chị B phải trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng CSXH huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Trần Duy N cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Duy N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt cho người nhà bị đơn, niêm yết tại nhà của bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn đăng ký nhân khẩu thường trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CSXH huyện T ông Nguyễn Trần Minh Đ có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thúy B và anh Trần Duy N có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 28/11/2008 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh N là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị B xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã nhau, mỗi lần mâu thuẫn là anh N đánh đập chị B. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau đã lâu, phần ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị B xin được ly hôn với anh N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng anh N cố tình trốn tránh, không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thúy B xin được ly hôn với anh Trần Duy N.

[3] Về con chung: Xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng chị B anh N có 02 con chung tên là: Trần Thị Thu N, sinh ngày 20/4/2008 và Trần Huyền T, sinh ngày 30/12/2013. Nguyên vọng của chị B nếu ly hôn chị B xin được trực tiếp nuôi các cháu N và T đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Theo chị B từ trước đến nay, các con đều sống chung với chị B. Hiện các cháu đang được chị B nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, đảm bảo phát triển tốt. Do bị đơn anh Trần Duy N vắng mặt, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh N có muốn nuôi con hay không. Trong khi nguyện vọng của các cháu N và T đều mong muốn được sống cùng với chị B. Hội đồng xét xử xét thấy anh N thực sự không mong muốn được nuôi con, không đến Tòa án để có lời

trình bày nên không thể giao con cho anh N nuôi dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao các cháu N và T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, theo đúng nguyện vọng của các con và đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị B là phù hợp với mức sống tại địa bàn huyện T và phù hợp với Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng tại Quảng Nam là 3.430.000đ/tháng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc anh Trần Duy N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B là các cháu Trần Thị Thu N, sinh ngày 20/4/2008 và Trần Huyền T, sinh ngày 30/12/2013 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các cháu N và T đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc chị Lê Thị Thúy B phải trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T số tiền nợ gốc 62.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/02/2021 là 245.791 đồng. Chị B tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận các hợp đồng kể từ ngày 27/02/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về cho mượn nợ: Chị B khai vợ chồng không cho ai mượn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thúy B phải chịu số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai thu số 0005623 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) anh Trần Duy N phải chịu.

[8] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Thúy B. Chị Lê Thị Thúy B được ly hôn với anh Trần Duy N.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận vợ chồng chị B và anh N có 02 con chung tên là: Trần Thị Thu N, sinh ngày 20/4/2008 và Trần Huyền T, sinh ngày 30/12/2013.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Thúy B. Giao các cháu Trần Thị Thu N, sinh ngày 20/4/2008 và Trần Huyền T, sinh ngày 30/12/2013 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Buộc anh Trần Duy N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là các cháu Trần Thị Thu N, sinh ngày 20/4/2008 và Trần Huyền T, sinh ngày 30/12/2013 cùng chị B mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các cháu N và T đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh N không chịu thi hành thì hàng tháng anh N còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Buộc chị Lê Thị Thúy B phải trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện T số tiền nợ gốc 62.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/02/2021 là 245.791 đồng. Chị B tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận các hợp đồng kể từ ngày 27/02/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Về cho mượn nợ: Chị B khai vợ chồng không cho ai mượn nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thúy B phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo biên lai thu số 0005623 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) anh Trần Duy N phải chịu.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành